TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2026
V/v: Tranh chấp xác định cha mẹ cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Lê Văn Ánh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Tường Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026, về việc "Tranh chấp xác định cha mẹ cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 58/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **X** – sinh năm 1986
Địa chỉ: Số 83/5 Khu phố H, Khu dân cư V, phường L, Thành phố H.
Hộ chiếu số: EJ3835977
Người đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của ông X: Bà **Lâm Kỳ D** – sinh năm 2000
Địa chỉ: Số 83/5 Khu phố H, Khu dân cư V, phường L, Thành phố H.
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh năm 2000
CCCD: 075300003152
Nơi thường trú: Ấp 6 (Ấp P 7 cũ), xã T, thành phố Đ.
Nơi ở: Số 19/19, đường vào Đ, Khu phố 22, phường L, Thành phố H.
Người phiên dịch: Bà **Lương Thị P** – sinh năm 2000
Địa chỉ: Số C, xã B, Thành phố H.
(Ông X, bà D, bà P có mặt; bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Xia trình bày:

Ông X sống chung với nhau như vợ chồng với bà M (người Anh), do khác nhau về quốc tịch nên chưa có điều kiện làm thủ tục đăng ký hôn theo quy định. Bà M bị bệnh ung thư cổ tử cung nên không thể có con nên ông X và bà M đã nhờ người mang thai hộ cho ông bà. Do gia đình không có ai phù hợp để nhờ mang thai hộ và không am hiểu pháp luật nên ông bà đã nhờ dịch vụ mang thai hộ bên T. Ông X không rõ họ tên và cũng không liên lạc được với người mang thai hộ nên không biết con mình đang ở đâu. Khi tìm hiểu thì biết được con mình đang do bà Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 27/4/2000 nuôi dưỡng và đặt tên là Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024. Theo giấy khai sinh bà T cung cấp thì bà là mẹ của bé L. Bà M thì đã mất vào đầu năm 2025.

Ông X đã yêu cầu bà T cùng ông giám định ADN với bé L thì Theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509124 ngày 29/01/2026 giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người không có huyết thống mẹ con" và theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509140 ngày 29/01/2026 giữa X và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người có huyết thống cha con"

Nay ông X khởi kiện yêu cầu xác nhận ông X Là cha con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 và xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà thừa nhận bà không phải là mẹ của bé Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024. Trước đây bà có quen biết người sinh ra bé L nên người này đã nhờ bà đứng tên là mẹ trong giấy khai sinh của bé L.

Theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509124 ngày 29/01/2026 giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người không có huyết thống mẹ con" và theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509140 ngày 29/01/2026 giữa X và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người có huyết thống cha con" thì bà đồng ý, không có ý kiến.

Nay ông X yêu cầu xác định ông X là cha con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 và xác định bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 thì bà đồng ý chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/6/2026, Toà án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, các đương sự đã thoả thuận được toàn bộ nội dung vụ án và ký Biên bản hoà giải thành. Tuy nhiên, ngày 19/6/2026 Toà án nhận được Đơn thay đổi nội dung thoả thuận của bị đơn bà T qua đường bưu chính nên Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X yêu cầu xác nhận ông X là cha con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 và xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024. Về án phí: Ông X được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú, sinh sống tại xã T, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đ theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Ông X có đơn yêu cầu Toà án xác định ông X là cha con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 và xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 nên Toà án đã thụ lý việc dân sự "Yêu cầu xác định cha mẹ cho con". Quá trình giải quyết do không có ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh T, khi triệu tập bà T đến Toà án làm việc thì bà T vắng mặt. Ông X đã yêu cầu Toà án chuyển thụ lý việc dân sự thành thụ lý vụ án dân sự để giải quyết theo quy định. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp xác định cha mẹ cho con" theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự ông X là nguyên đơn và bà T là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông X yêu cầu bà Lương Thị P đã tốt nghiệp cử nhân tiếng Trung Quốc làm người phiên dịch. Bà P nghe hiểu và sử dụng thông thạo tiếng Trung Quốc và tiếng Việt. Bà P cam đoan phiên dịch một cách trung thực, khách quan đúng nghĩa nội dung trình bày của ông X cho Toà án và ngược lại; cam đoan thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của người phiên dịch nên bà P được Toà án chấp nhận là người phiên dịch theo quy định tại Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn ông X và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã thoả thuận được toàn bộ nội dung vụ án và ký Biên bản hoà giải thành vào ngày 18/6/2026. Tuy nhiên, ngày 19/6/2026 Toà án nhận được Đơn thay đổi nội dung thoả thuận của bị đơn bà T nên Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Các đương sự thừa nhận thống nhất ông X là cha của cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024, bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ của cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024.

Theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509124 ngày 29/01/2026 giữa Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người không có huyết thống mẹ con" và theo Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2509140 ngày

29/01/2026 giữa X và Nguyễn Thạch L xác định "Giữa hai người có huyết thống cha con"

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông X là cha con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 và xác định bà Nguyễn Thị Thanh T không phải mẹ con với cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xác định cha mẹ cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn bà T trong Đơn thay đổi nội dung thoả thuận về việc làm rõ người sinh ra cháu L và yêu cầu phía ông X hoàn trả toàn bộ chi phí của người mang thai hộ cho bà T thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Ông X được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 88, Điều 89, Điều 93, Điều 94, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Xia, Yao Hai

Xác định cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 là con đẻ của ông X.

Xác định cháu Nguyễn Thạch L – sinh ngày 01/5/2024 không phải con đẻ của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ông X và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề thay đổi, cải chính hộ tịch để tiến hành thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Thạch L theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về án phí: Ông X được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Trả lại cho ông X số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông X đã nộp tạm ứng án

phí tại biên lai thu số 0010117 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Ông X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tà Lài (số 37/2024, ngày 18/5/2024) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Xuân Hồng